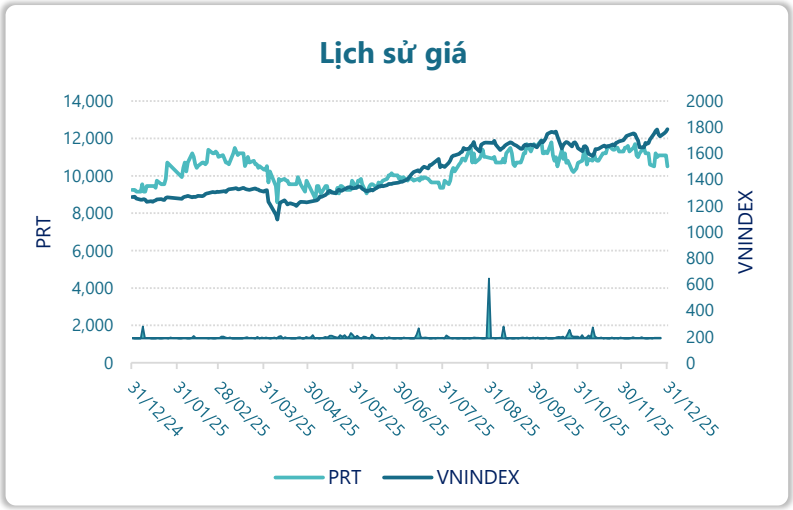
FireAnt

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP (UPCOM: PRT)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,572
SL cổ phiếu LH	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,945
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,150
P/E	36.7
EPS	286

DT thuần

Q4/25

310

tỷ VNĐ

QoQ: ▼57.0| -15.5%

YoY: ▼30.0| -8.8%

LN sau thuế

Q4/25

49.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼36.2| -42.5%

YoY: ▼30.1| -38.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

15.8%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

1,045

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.0| 5.8%

LN sau thuế

2025

127

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00| 2.2%

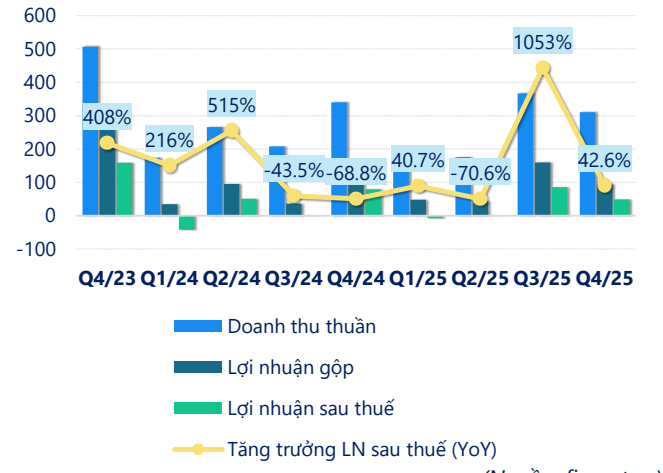
ROE

2025

2.2%

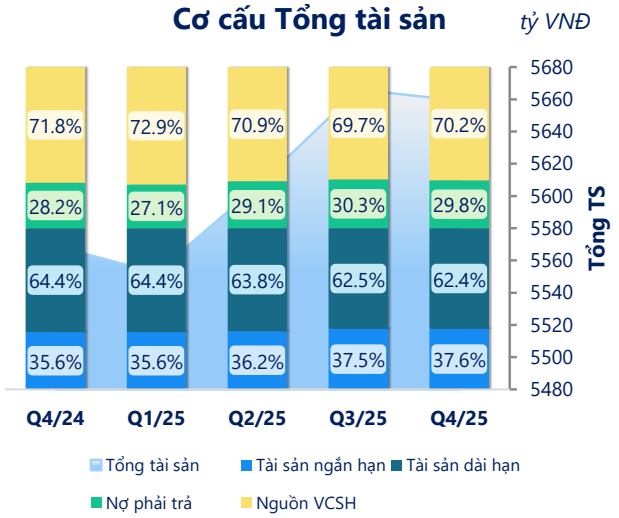
+/- YoY: ▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh



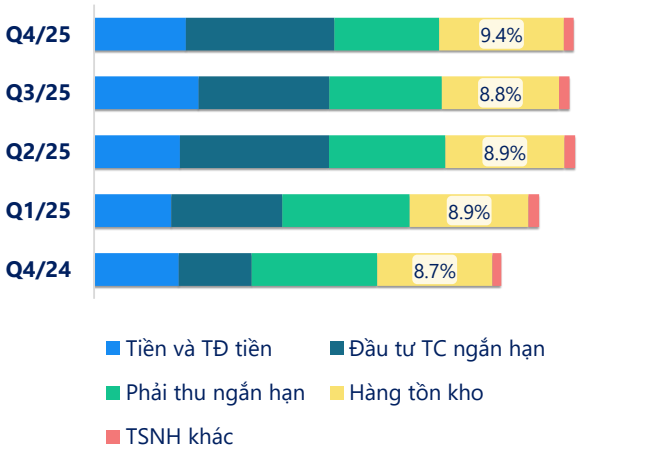
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



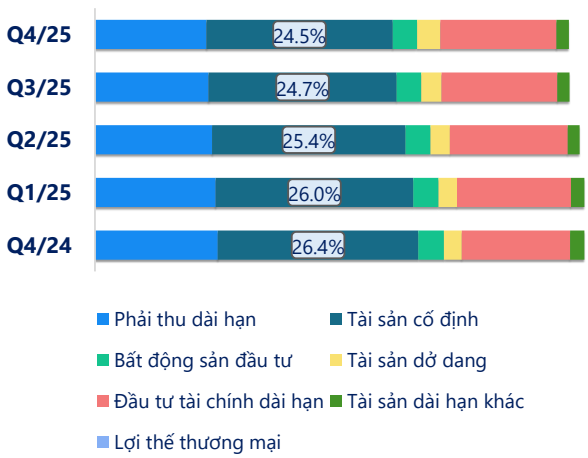
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



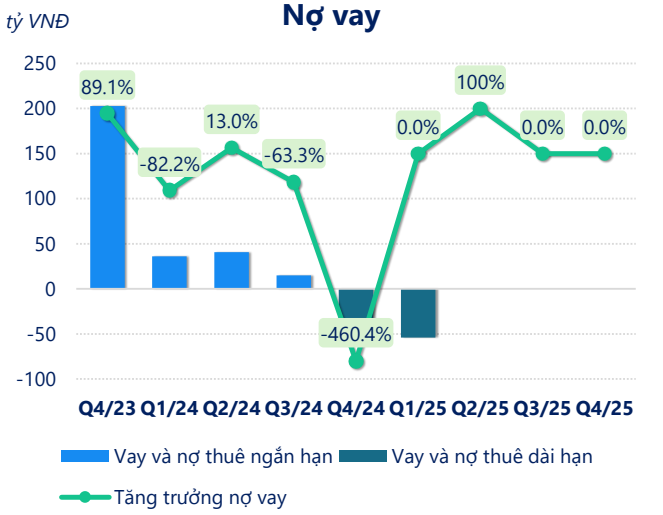
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



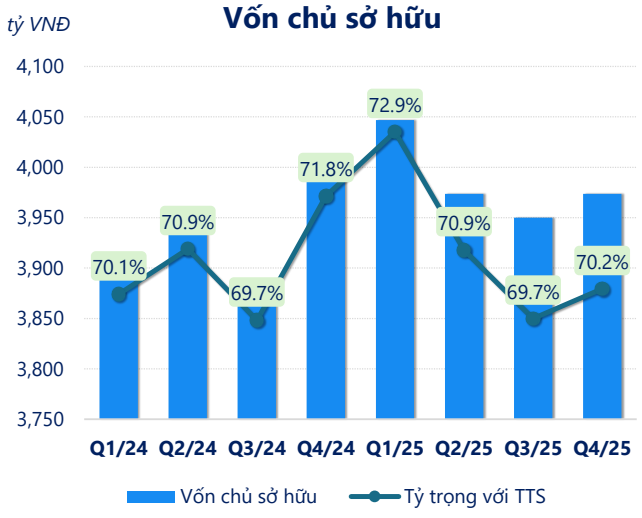
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



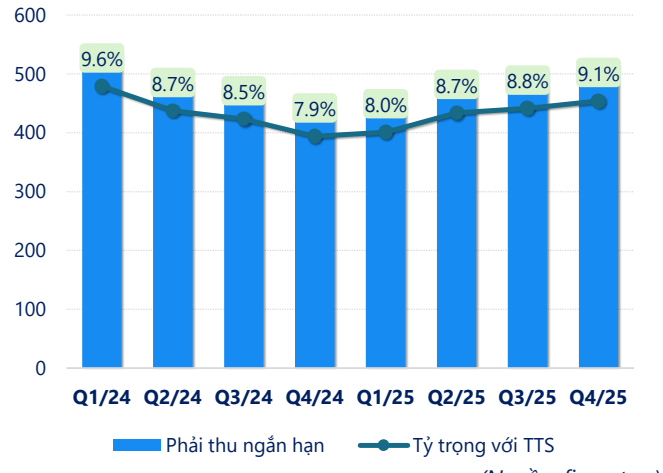
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



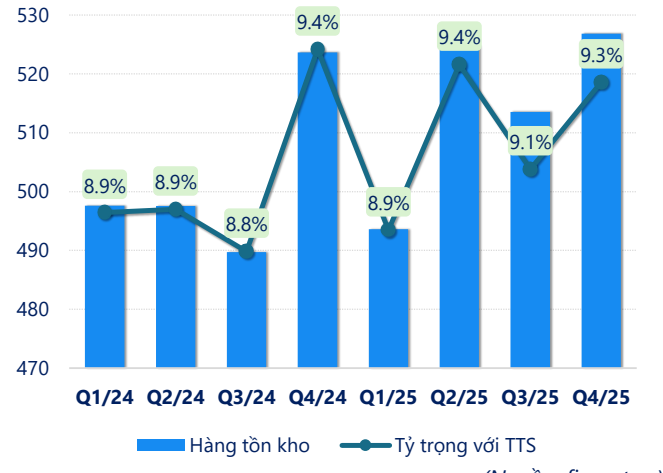
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



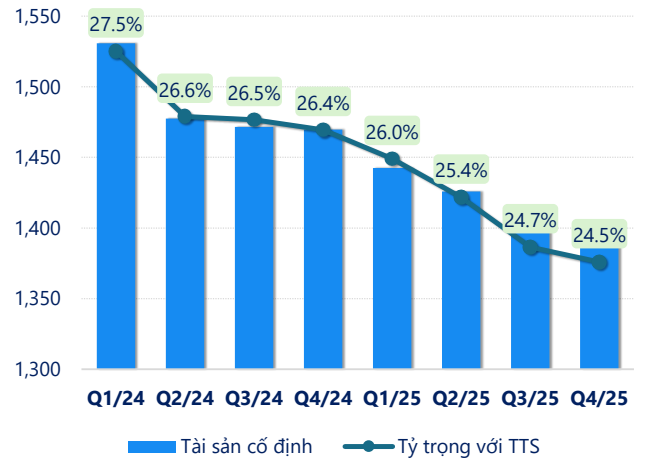
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



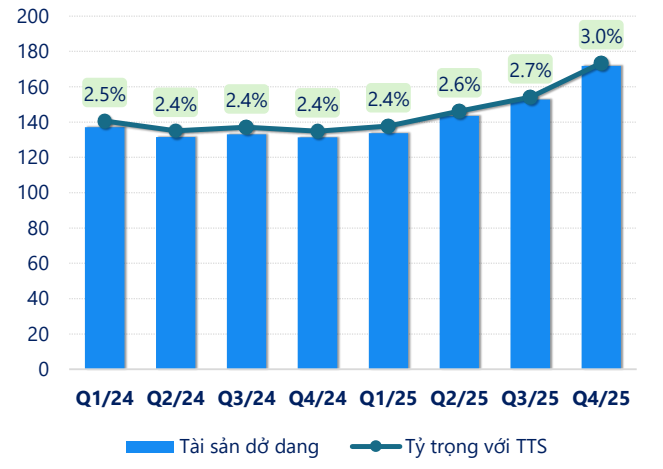
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



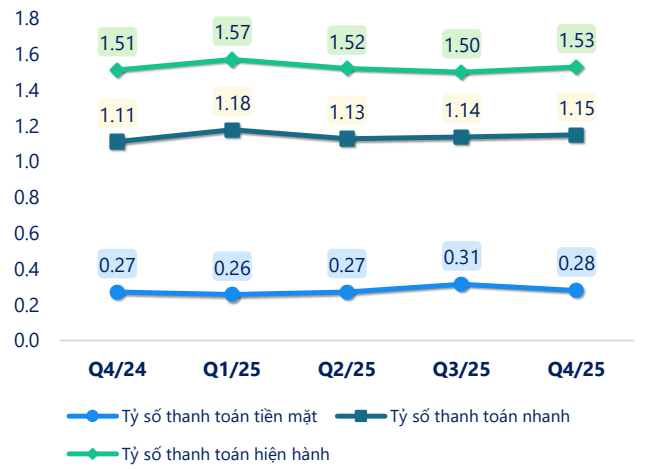
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



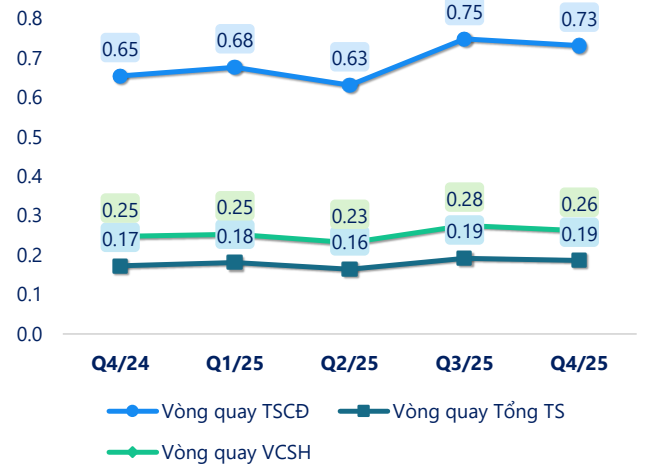
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**5,569**	**5,552**	**5,606**	**5,666**	**5,659**
Tài sản ngắn hạn	**1,980**	**1,975**	**2,029**	**2,127**	**2,129**
Tiền và tương đương tiền	355	323	362	446	390
Đầu tư tài chính ngắn hạn	622	667	611	621	660
Phải thu ngắn hạn	439	446	487	500	514
Hàng tồn kho	524	494	525	514	527
Tài sản ngắn hạn khác	40.5	45.7	43.8	46.5	38.2
Tài sản dài hạn	**3,589**	**3,578**	**3,578**	**3,539**	**3,530**
Phải thu dài hạn	901	883	865	848	830
Tài sản cố định	1,470	1,442	1,426	1,401	1,387
Bất động sản đầu tư	187	186	185	184	184
Tài sản dở dang	131	134	143	153	172
Đầu tư tài chính dài hạn	794	834	870	862	864
Tài sản dài hạn khác	106	97.7	88.1	91.2	92.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,571**	**1,505**	**1,633**	**1,716**	**1,685**
Nợ ngắn hạn	**1,310**	**1,257**	**1,334**	**1,418**	**1,393**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	22.3	23.4	17.3	14.2
Nợ dài hạn	260	248	298	298	292
Vay và nợ thuê dài hạn	-54.0	-54.0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,999**	**4,047**	**3,973**	**3,950**	**3,974**
Vốn chủ sở hữu	**3,999**	**4,047**	**3,973**	**3,950**	**3,974**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	3,000	3,000	3,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)